

Bản án số: 111/2022/DS-PT

Ngày: 31-03-2022

*“V/v Tranh chấp dân sự -
Đòi lại quyền sử dụng đất”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh;

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Thanh Mỹ;

Bà Nguyễn Thị Vĩnh;

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Hồng Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Nguyễn Tấn Tài - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 31/03/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 264/2021/TLPT-DS ngày 16 tháng 12 năm 2021 về “V/v tranh chấp dân sự - đòi lại quyền sử dụng đất”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 38/2021/DS-ST ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 50/2022/QĐ-PT ngày 16 tháng 02 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số 116/2022/QĐ-PT ngày 16/03/2022, giữa:

- Nguyên đơn:

1. Bà Phạm Thị P, sinh năm 1951.

2. Bà Phạm Thị Diệu H, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Tổ 9, ấp S, xã S, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà P, bà H là ông Trần Văn N, sinh năm 1955; Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp (có mặt);

- Bị đơn: Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đ là chị Phan Nguyễn Hoa T, sinh năm

1994; Địa chỉ: Số 29/19C, Nguyễn Thông, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ.

Người tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Đ là: Ông Trần Văn Á, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số 116A, Tầm Vu, phường H, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Phạm Văn B, sinh năm 1954;
2. Ông Phạm Văn T1, sinh năm 1964;
3. Bà Phạm Thị D, sinh năm 1961;
4. Ông Phạm Văn M, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

5. Bà Phạm Thị S, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

6. Anh Lê Thái S1, sinh năm 2000;

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

7. Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Tấn X – Chủ tịch UBND Huyện;

Địa chỉ: Số 80, khóm Phú Mỹ, thị trấn Cái Tàu Hạ, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo:* Bà Phạm Thị Đ là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Nguyên đơn bà Phạm Thị Diệu H và Phạm Thị P (Phạm Thị Mai P) có ông Trần Văn N đại diện trình bày:**

Vào năm 2002 Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử vụ tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất giữa các nguyên đơn bà Phạm Thị Mai P, Phạm Thị Đ, Phạm Thị Diệu H với bị đơn bà Lê Thị B1.

Tòa án đã giao cho bà Phạm Thị Mai P, Phạm Thị Đ, Phạm Thị Diệu H được quyền sử dụng diện tích 1.188m² đất trồng cây lâu năm.

Đến năm 2003 Cơ quan thi hành án đã tiến hành cưỡng chế và giao phần đất trên cho bà P, bà Đ, bà H theo sơ đồ đo đạc ngày 20/9/2002.

Vào năm 2008 các anh em làm văn bản phân chia tài sản thừa kế tại UBND xã A nhằm tách quyền sử dụng đất cho ông Phạm Văn B, bà Phạm Thị D vì phần đất cha mẹ cho ông B, bà D và phần đất Tòa án Tỉnh giao 1.160m² cho bà P, H, Đ vẫn nằm trong giấy chứng nhận do bà Lê Thị B1 đứng tên nên việc các anh em ký tên không phải giao cho bà Đ đứng tên quyền sử dụng đất đối với diện tích 1.160m².

Nên nay bà Phạm Thị P, bà Phạm Thị Diệu H yêu cầu thu hồi một phần

giấy chứng nhận cấp cho bà Phạm Thị Đ thuộc thửa 3176, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.160m², phần đất tọa lạc ấp A, xã A, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp. Trả lại cho bà P, bà H mỗi người 396m² theo bản án phúc thẩm số 391/DSPT ngày 28/10/2002 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự không tranh chấp phần cây trồng trên đất. Đối với 11 cây nhãn hiện bà H đang quản lý nếu Tòa án giao phần đất này cho ai thì người đó được quyền sử dụng.

Đối với các cây trồng còn lại của bà Đ đang quản lý thì bà P, bà H yêu cầu bà Đ di dời, không đồng ý trả giá trị.

Đối với phần đất mà trước đây bà Đ đã đổi cho ông B làm diện tích giảm xuống thì bà P, bà H không yêu cầu ông B trả lại. Bà P, bà H chỉ yêu cầu trả đủ 396m² ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

*** Bị đơn bà Phạm Thị Đ trình bày:**

Vào năm 2001 bà Phạm Thị Đ, bà Phạm Thị Diệu H và Phạm Thị P có khởi kiện bà Lê Thị B1 yêu cầu chia thừa kế. Năm 2002 Tòa án tỉnh Đồng Tháp chấp nhận yêu cầu chia cho 03 chị em P, H, Đ là 1.188m² đất vườn.

Sau khi Tòa án tỉnh Đồng Tháp xử xong, năm 2003 có thi hành bản án và có cầm trụ đá. Lúc Thi hành án thì nhập chung diện tích 1.188m² chứ không tách riêng diện tích cho từng người.

Lúc thi hành án thì có mặt đủ các anh chị em. Bà H và bà P không có ý kiến gì và đồng ý cho bà Đ hết phần đất này.

Vào năm 2008 thì các anh chị em có đến UBND xã A để làm văn bản phân chia thừa kế, cụ thể trong số 6.904m² do bà Lê Thị B1 đứng tên giấy chứng nhận thì có 1.188m² mà Tòa án Tỉnh đã chia cho 03 chị em nên các anh chị em mới ra xã để làm văn bản thỏa thuận chia thừa kế tách quyền sử dụng ra từng người. Lúc này tách luôn phần ông B, bà Đ đã được cha mẹ chia trước đây.

Lúc ký tên thì có đủ các anh chị em. Bà H và bà P không có ý kiến gì và thống nhất tách phần diện tích 1.188m² cho bà Đ.

Hiện bà Đ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2008 đối với diện tích 1.160m², thửa 3176, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc ấp A, xã A, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Lý do chênh lệch diện tích từ 1.188m² xuống còn 1.160m² là do bà Đ đổi một phần đất cho ông B để đặt ống bọng.

Từ khi Thi hành án và trong quá trình sử dụng thì bà Đ không có cải tạo, tu bổ gì, phần đất vẫn giữ nguyên hiện trạng. Hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Đ giữ, không có cầm cố, thế chấp.

Nay bà Đ không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn vì phần đất này bà P và bà H đã ký tên đồng ý cho bà toàn bộ diện tích và bà Đ đã được đứng tên giấy chứng nhận. Đối với phần diện tích ngay tại căn nhà của bà H thì bà Đ đồng ý để bà H ở hết đời, không yêu cầu lấy lại.

Đối với phần đất đã đổi của ông B thì bà Đ không yêu cầu gì.

Đối với 11 cây nhãn nằm phía sau nhà của bà H (hiện bà H đang quản lý), nếu Tòa án giao phần đất này cho ai thì người đó được quyền sử dụng, bà Đ không tranh chấp gì đối với các cây trồng này.

Đối với cây trồng khác do bà Đ trồng và đang quản lý, nếu Tòa án buộc bà Đ trả đất cho các nguyên đơn thì bà Đ đồng ý di dời, không yêu cầu hỗ trợ chi phí di dời.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị D trình bày:** Trước đây bà được cha mẹ cho phần đất khoảng 3.000m² và ông B cũng được chia một phần. Năm 2008 có mặt đủ các anh em đến UBND xã A ký tên để tách quyền sử dụng ra cho bà D và ông B vì phần đất mà cha mẹ cho vẫn nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà Lê Thị B1 đứng tên.

Bà D không nghe nói việc bà P, bà H đồng ý ký tên cho toàn bộ phần đất diện tích 1.188m² cho bà Đ.

Nay bà P, bà H, bà Đ đang tranh chấp phần đất 1.160m² thì bà D không tranh chấp gì vì bà đã được chia đất xong.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Văn T1, Phạm Văn M, bà Phạm Thị S trình bày:** Vào năm 2008 ông B có đến nhờ các anh chị em ra UBND xã A Nhon để ký vào văn bản nhằm mục đích tách quyền sử dụng đất cho ông B, bà D vì trước đó ông B và bà D được chia đất nhưng còn nằm trong giấy chứng nhận của bà Lê Thị B1 nên các anh em mới ký tên tách quyền sử dụng cho họ. Tại ủy ban xã ông T1, ông M, bà S không nghe nói gì đến việc bà P, bà H đồng ý cho bà Đ toàn bộ diện tích mà Tòa án Tỉnh đã chia cho bà P, bà H, bà Đ.

Nay bà P, bà H, bà Đ đang tranh chấp phần đất 1.160m² thì ông T1, ông M, bà S không tranh chấp gì vì đã được chia đất xong.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Văn B trình bày.**

Ông B được cha mẹ cho diện tích 2.800m² nhưng chưa tách quyền sử dụng. Đến năm 2008 ông B có nhờ các anh em ra UBND xã A để ký tên tách quyền sử dụng cho ông B.

Các anh chị em đều có mặt và ký tên, ông B có nghe bà P, bà H đồng ý cho hết phần đất cho Đ.

Nay bà P, bà H, bà Đ đang tranh chấp phần đất 1.160m² thì ông B không tranh chấp gì vì ông đã được chia đất xong.

*** Tòa án cấp sơ thẩm tuyên:**

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Phạm Thị P, bà Phạm Thị Diệu H.

Chia đều diện tích 1.001,4m² (đất CLN) thuộc thửa 3176 tờ bản đồ 2 đất

tọa lạc ấp An Hòa, xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp cho bà Phạm Thị P, Phạm Thị Diệu H, Phạm Thị Đ mỗi người 333,8m².

Vị trí đất được xác định cụ thể như sau:

Bà Phạm Thị Diệu H được quyền quản lý, sử dụng diện tích 333,8m² từ các mốc 12 – 13 – 19 – 18 – 17 – 7 – 8 – 9 – 10 – 11 – 12.

Bà Phạm Thị P được quyền quản lý sử dụng diện tích 333,8m² từ các mốc 13 – 14 – 15 – 16 – 6 – 7 – 17 – 18 – 19 – 13. Buộc bà Phạm Thị Đ có trách nhiệm giao diện tích 333,8m² cho bà Phạm Thị P.

Bà Phạm Thị Đ được quyền quản lý, sử dụng diện tích 333,8m² từ các mốc 1 – 2 – 3 – 4 – 5 – 6 – 16 – 15 – 14 – 1.

Bà Phạm Thị Diệu H được quyền quản lý, sử dụng 11 cây nhãn nằm phía sau nhà của bà H. Bà Phạm Thị Đ có trách nhiệm di dời các cây nhãn còn lại (nếu có) nằm trong phạm vi các mốc 12 – 13 – 19 – 18 – 17 – 7 – 8 – 9 – 10 – 11 – 12, trừ 11 cây nhãn đã được Hội đồng xét xử giao cho bà H quản lý, sử dụng.

Buộc bà Phạm Thị Đ có trách nhiệm di dời các cây trồng, vật kiến trúc (nếu có) nằm trong phạm vi các mốc 13 – 14 – 15 – 16 – 6 – 7 – 17 – 18 – 19 – 13 để giao đất cho bà P.

(Theo sơ đồ đo đạc của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành ngày 22/10/2021 và biên bản xem xét thẩm định, định giá tài sản ngày 07/7/2020).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, các đương sự có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo diện tích đã được chia.

Ủy ban nhân dân Huyện thu hồi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 483153 cấp ngày 20/10/2008 của bà Phạm Thị Đ để cấp lại cho bà P, bà H, bà Đ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Sau khi xét xử sơ thẩm bà Phạm Thị Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;
- Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; giữ nguyên nội dung kháng cáo.

*** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:**

- Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đ. Giữ nguyên nội dung quyết định bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị P (Phạm Thị Mai P), bà Phạm Thị Diệu H về việc đòi lại diện tích đất mà bà Phạm Thị Đ đang quản lý và đứng tên quyền sử dụng đất nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là Tranh chấp dân sự - Đòi lại quyền sử dụng đất phù hợp với quy định tại điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Phần đất các bên đang có tranh chấp tọa lạc tại ấp A, xã A, Huyện Châu Thành nên Tòa án huyện Châu Thành thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về nội dung:

Căn cứ vào yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị Đ về việc không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị P (Phạm Thị Mai P) và bà Phạm Thị Diệu H. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

- *Về nguồn gốc đất:* Được các bên xác định là phần đất có được từ việc chia di sản thừa kế theo bản án số 391/DSPT ngày 28/10/2002 của Tòa án Tỉnh Đồng Tháp; theo đó, đã giao cho bà Phạm Thị Mai P, Phạm Thị Đ, Phạm Thị Diệu H được quyền sử dụng diện tích 1.188m² đất trồng cây lâu năm thuộc một phần thửa 812 (sau này tách ra thửa 3176).

- *Về quá trình sử dụng:* Các đương sự đều thừa nhận ngoài phần đất được Tòa án Tỉnh xét xử chia cho 3 chị em P, H, Đ thì họ không được chia thêm phần đất nào khác nên trên đất bà H đã xây nhà kiên cố và sinh sống trên phần đất này, ngoài ra không còn chỗ ở nào khác. Do đó, việc bà Đ cho rằng bà H, bà P đã đồng ý tặng cho toàn bộ diện tích đất được chia thừa kế cho bà là không phù hợp với thực tế của sự việc. Sau khi được chia thừa kế, bà H đã xây dựng nhà để ở, hiện nay diện tích xây dựng nhà của bà H bao nhiêu bà Đ cũng không biết. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp. Căn cứ vào lời thừa nhận của các bên thì diện tích thực tế phần đất được chia cho 03 người (P, H, Đ) diện tích đất chỉ còn 1.001,4m² do đó mỗi người được sử dụng diện tích 333,8m².

- *Đối với cây trồng và vật kiến trúc trên đất:* các bên đương sự thống nhất không có tranh chấp; Đối với, 11 cây nhãn hiện bà H đang quản lý trên phần đất bà H được chia thì được tiếp tục quản lý, sử dụng.

Phần cây trồng, vật kiến trúc hiện bà Đ đang quản lý nếu nằm trên đất nguyên đơn được chia thì bà Đ đồng ý di dời, không yêu cầu hỗ trợ chi phí di dời.

Từ những nhận định và phân tích trên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị Đ giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đ nên bà Đ phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Xét lời trình bày và đề nghị của người tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đ là chưa phù hợp nên không được hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét lời trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 điều 26, khoản 1 Điều 38, Điều 147, Điều 148, khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 48 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị Đ;
2. Giữ nguyên quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 38/2021/DS-ST ngày 26/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Phạm Thị P (Phạm Thị Mai P), bà Phạm Thị Diệu H.

Chia đều diện tích 1.001,4m² (đất CLN) thuộc thửa 3176 tờ bản đồ 2 đất tọa lạc ấp A, xã A, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp cho bà Phạm Thị P, Phạm Thị Diệu H, Phạm Thị Đ mỗi người 333,8m².

Vị trí đất được xác định cụ thể như sau:

Bà Phạm Thị Diệu H được quyền quản lý, sử dụng diện tích 333,8m² từ các mốc 12 – 13 – 19 – 18 – 17 – 7 – 8 – 9 – 10 – 11 – 12.

Bà Phạm Thị P được quyền quản lý sử dụng diện tích 333,8m² từ các mốc 13 – 14 – 15 – 16 – 6 – 7 – 17 – 18 – 19 – 13. Buộc bà Phạm Thị Đ có trách nhiệm giao diện tích 333,8m² cho bà Phạm Thị P.

Bà Phạm Thị Đ được quyền quản lý, sử dụng diện tích 333,8m² từ các mốc 1 – 2 – 3 – 4 – 5 – 6 – 16 – 15 – 14 – 1.

Bà Phạm Thị Diệu H được quyền quản lý, sử dụng 11 cây nhãn nằm phía sau nhà của bà H. Bà Phạm Thị Đ có trách nhiệm di dời các cây nhãn còn lại (nếu có) nằm trong phạm vi các mốc 12 – 13 – 19 – 18 – 17 – 7 – 8 – 9 – 10 – 11 – 12, trừ 11 cây nhãn đã được Hội đồng xét xử giao cho bà H quản lý, sử dụng.

Buộc bà Phạm Thị Đ có trách nhiệm di dời các cây trồng, vật kiến trúc (nếu có) nằm trong phạm vi các mốc 13 – 14 – 15 – 16 – 6 – 7 – 17 – 18 – 19 – 13 để giao đất cho bà P.

(Theo sơ đồ đo đạc của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành ngày 22/10/2021 và biên bản xem xét thẩm định, định giá tài sản ngày 07/7/2020).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, các đương sự có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo diện tích đã được chia.

Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành thu hồi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 483153 cấp ngày 20/10/2008 của bà Phạm Thị Đ để cấp lại cho bà P, bà H, bà Đ.

[2] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản và đo đạc là 5.315.000 đồng. Bà P, bà H mỗi người chịu 1.328.000 đồng, bà Đ phải chịu 2.659.000 đồng. Do bà H đã tạm ứng trước nên bà P phải hoàn trả lại cho bà H 1.328.000 đồng, bà Đ hoàn trả lại cho bà H 2.659.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị P và bà Phạm Thị Diệu H mỗi người phải chịu 300.000 đồng. Nhưng do bà P đã hơn 60 tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên bà P được miễn khoản tiền này.

Số tiền án phí mà bà H phải chịu được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 840.000 đồng theo biên lai thu số 0002759 ngày 05/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Bà H được nhận lại 540.000 đồng.

Bà Phạm Thị Đ phải chịu 2.830.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về án phí phúc thẩm:

Bà Đ phải chịu tiền án phí phúc thẩm là 300.000đ; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000034 ngày 29/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

*** Nơi nhận:**

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND H. Châu Thành;
- Chi cục THADS H. Châu Thành;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

Nguyễn Thị Võ Trinh